TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 41

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong số 314, chữ số 3 có giá trị là:

A. 30 **B.** 3 **C.** 300 **D.** 314

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 12 : ……. = 6

A. 8 **B.** 5 **C.** 10 **D.** 2

Câu 3. Gấp 9 lên 4 lần được:

A. 40 **B.** 36 **C.** 45 **D.** 13

Câu 4. Một phần bảy (1/7) của 56 cm là:

A. 49 cm **B.** 8 cm **C.** 392 cm **D.** 10 cm

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 9 cm 1 mm = ……. mm

A. 901 **B.** 10 **C.** 91 **D.** 19

Câu 6. H là trung điểm của đoạn thẳng EG. Biết EG = 22 mm, độ dài đoạn EH là:

A. 11 mm **B.** 22 mm **C.** 44 mm **D.** 20 mm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) ……. × 9 = 36

b) ……. : 8 = 26

c) ……. + 398 = 616

d) 40 : ……. = 5

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) 155 + 38 × 6 = …….

b) 89 − 25 : 5 = …….

c) (58 + 31) × 5 = …….

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 6 trăm, 1 chục, 8 đơn vị viết là: …….

b) Số lớn nhất trong các số 931, 147, 716, 759, 990 là: …….

c) Số bé nhất trong các số trên là: …….

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: …….

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 24, 32, 40, ……, 56, ……

b) 380, 382, 384, 386, ……, ……

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 dm 7 cm = …… cm

b) 8 m = …… cm

c) 5 kg = …… g

d) 70 mm = …… cm

Bài 6. Có 56 quyển vở chia đều cho 8 bạn. Ngọc được chia rồi lại được cô thưởng thêm 3 quyển. Hỏi Ngọc có tất cả bao nhiêu quyển vở?

a) Mỗi bạn được chia: …… quyển

b) Ngọc có tất cả: …… quyển

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 41

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	B	B	C	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 36 : 9 = 4

b) 26 × 8 = 208

c) 616 − 398 = 218

d) 40 : 5 = 8

Bài 2.

a) 155 + 38 × 6 = 155 + 228 = 383

b) 89 − 25 : 5 = 89 − 5 = 84

c) (58 + 31) × 5 = 89 × 5 = 445

Bài 3.

a) 618

b) Số lớn nhất là 990

c) Số bé nhất là 147

d) 990 + 1 = 991

Bài 4.

a) Đếm thêm 8: 24, 32, 40, 48, 56, 64

b) Mỗi số hơn số trước 2 đơn vị: 380, 382, 384, 386, 388, 390

Bài 5.

a) 6 dm 7 cm = 67 cm (vì 1 dm = 10 cm)

b) 8 m = 800 cm (vì 1 m = 100 cm)

c) 5 kg = 5000 g (vì 1 kg = 1000 g)

d) 70 mm = 7 cm (vì 10 mm = 1 cm)

Bài 6.

Mỗi bạn: 56 : 8 = 7 (quyển)

Ngọc có: 7 + 3 = 10 (quyển)